

Số: 01/2026/QĐ-TL

Quảng Trị, ngày 10 tháng 4 năm 2026

Về việc: Công bố công khai năng lực về
hoạt động thí nghiệm chuyên ngành

xây dựng

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế,
tư vấn giám sát, nhà thầu thi công;
- Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Quảng Bình

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp số:
3100131925 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở tài chính tỉnh Quảng Trị cấp đăng ký lần
đầu ngày 06 tháng 01 năm 2005, lần 4 ngày 08 tháng 7 năm 2025.

Địa chỉ: số 60 đường Lê Thành Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0232. 3822 456 - Web: www.tvgtqb.com

Email: tvgtqb60@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm ĐCCT & VLXD (LAS-XD169)**

Địa chỉ: số 60 đường Lê Thành Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0948 355 000 - Web: www.tvgtqb.com

Email: phongtnlas169@gmail.com

*(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị nhân sự của phòng thí nghiệm LAS-XD 169
do Bộ xây dựng cấp tại Giấy chứng nhận số 315/GCN-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022).*

**2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây
dựng**

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG				
1	Xác định độ mịn của xi măng, Khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C188 - 23, ASTM C204 - 24; ASTM C430-2017; AASHTO T133 - 22, AASHTO T153 - 22, ASHTO T192 - 23	Sàng (kích thước mắt 0,09;0,08;0,045mm, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), tủ sấy, Bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả,	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
2	Xác định cường độ nén và uốn của xi măng	TCVN 6016:2011; ASTM C109/109M -23	Sàng , máy trộn, khuôn (4x4x16cm),50x50x50mm máy dần (điện hình), máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy nén TYE-2000kN, tủ dưỡng nhiệt ẩm, ...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015, TCVN 8875:2012; ASTM C187 - 23, ASTM C191-21; AASHTO T131 - 23	Dụng cụ Vica, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật, ống đồng, dao thép, đồng hồ bấm giây, máy trộn,	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
II THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ ĐÀM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐÁ GÓC				
4	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật 1g, dụng cụ lấy mẫu, thiết bị chia mẫu, ...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
5	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM136/C136M - 19; AASHTO T27 - 23; BS EN 933-1 : 2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác d = 0.1g, cân kỹ thuật 30kg/5g, bộ sàng tiêu chuẩn bộ sàng, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 °C.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
6	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C128 - 22; ASHTO T84 - 22, AASHTO T85 - 22; BS EN 1097 -6 : 2022	Bình khối lượng riêng, Cân kỹ thuật có độ chính xác d = 0.1g, bình hút ẩm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 °C, bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối mã não, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, sàng kích thước 5mm và 0.14mm	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
7	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá góc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 TCVN 10322:2014 AASHTO T85 - 22	Cân kỹ thuật có độ chính xác d = 0.1g, giỏ cân trong nước, thùng chứa nước để cân trong nước,	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, tủ sấy đến 300°C/1 °C.	Hồ Gia Khánh
8	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006 ; ASTM C29/C29M-23 ; AASHTO T19/T19M-22; BS EN 1097 -3:1998	Thùng đong, cân kỹ thuật 30kg/5g , phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy đến 300°C/1 °C, thước lá kim loại.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
9	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ; ASTM C566 - 19 ; ASHTO T255 - 22	Cân kỹ thuật có độ chính xác d = 0.1g, tủ sấy đến 300°C/1°C, hộp đựng mẫu.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
10	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét, hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117-23, ASTM C142/C142M-23; AASHTO T112-23; BS EN 933-1:2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác d = 0.1g, tủ sấy đến 300°C/1°C, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
11	Xác định tạp chất hữu cơ phương pháp so màu	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/C40M-20; AASHTO T21M/T21-20	Bản màu chuẩn so sánh , ống dung tích loại 500ml, 1000ml, Cân kỹ thuật 3000g/0.01g, sàng 5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
12	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D7012 - 23	Máy thử nén model: TYE-2000kN, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thùng ngâm mẫu,	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
13	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C535-16; AASHTO T96-22	Cân kỹ thuật 30kg/1g, sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy đến 300°C/1°C, máy quay mài mòn Los Angeles.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
14	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791-23; BS EN 933-3-12, BS EN 933-4-08, BS EN 933-5-22;	Cân kỹ thuật 30kg/1g , bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, tủ sấy đến 300°C/1°C	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
15	Xác định độ góc cạnh của đá	TCVN 11807:2017	Thùng đong (D154±2mm, cao 160±2mm), cân kỹ thuật 30kg (1g), tủ sấy	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			300 ⁰ C (±1 °C) có điều chỉnh nhiệt độ, thước lá kim loại, thước gạt mẫu dài 300mm, sàng kích thước 5mm	Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
16	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ phân tích có độ chính xác d= 0.0001g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
17	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ phân tích có độ chính xác d= 0.0001g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
18	Xác định hệ số đương lượng cát ES	ASTM D2419-22; AASHTO T176 -22	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g, que thủy tinh, Tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C Ống đong 1000ml, bộ sàng tiêu chuẩn, thước thử,...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
19	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075mm	TCVN 14135-4:2024, TCVN 9205:2012; ASTM C117-23; AASHTO T11-23	Cân kỹ thuật có độ chính xác d=0.1g, bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, sàng tiêu chuẩn 0.075mm, hóa chất	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
20	Xác định thành phần hạt của cấp phối đá dăm	TCVN 8859:2023	Cân kỹ thuật 30kg (5g), bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy 300 ⁰ C (±1 oC), búa cao su, cọ quét, giá xúc mẫu, dụng cụ chia mẫu.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
III	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
21	Xác định thành phần cấp phối của bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật, bộ côn thử độ sụt + tằm để, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
22	Lựa chọn vật liệu, xác định thành phần bê tông đối với bê tông cường độ cao	TCVN 10306:2014	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật, bộ côn thử độ sụt + tằm để, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			gạt mẫu dài 200mm	
23	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022; ASTM C31/C31M-24; BS EN 12350-1:2019	Khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm, đồng hồ bấm giây	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
24	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143/C143M-20; AASHTO T119-23; BS EN 12350-2:2019	Côn thử độ sụt + tấm đế, que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại dài 300mm, đồng hồ bấm giây.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
25	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993 ; ASTM C138/138M -23; AASHTO T121 - 23 ; BS EN 12350-6 : 2019	Thùng kim loại 5l, 10l (cao 186 và 267mm), que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, cân đĩa 30kg (d=1g), dao thép gạt mẫu, búa cao su	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
26	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642-21; BS EN 12390-7:2019	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.1g), tủ sấy 300 ^o c (±1 ^o C), khăn lau, bàn chải, đá mài.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
27	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39/C39M-24; AASHTO T22M/T22-22 BS EN 12390-3:2019:	Máy nén TYE -2000kN, thước lá kim loại, đệm truyền tải	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
28	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293/C293M-16 BS EN 12390-5 : 2019	Máy nén TYE -2000kN, thước lá kim loại, đệm truyền tải, gối uốn 4 điểm tựa	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
29	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022; ASTM C496/C496M-17; AASHTO T198-22	Máy nén TYE -2000kN, bộ giá ép chẻ	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
30	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403/C403M-23; AASHTO T197M/T197-23	Khuôn bê tông 3 khuôn 150x150x150mm, dụng cụ thử độ ninh kết bê tông và kim xuyên, đồng hồ bấm giây, ống pipet 5ml	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
IV THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY				
31	Xác định kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch xây	TCVN 6355-1:2009	Thước thép, thước kẹp.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
32	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén 300kN, thước kim loại, các miếng kính, bay, chèo, máy cắt.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
33	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử nén + bộ gối uốn, thước kim loại, các miếng kính, bay, chèo.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
34	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy 300 ⁰ C/1 °C, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
35	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Tủ sấy 300 ⁰ C/1 °C, cân kỹ thuật, thước lá kim loại.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
36	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Búa con, sàng 0,2mm, tủ sấy 300 ⁰ C/1 °C, bình hút ẩm, cân, bình cổ cao, dầu hỏa...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
37	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009	Thùng giữ ẩm, Thước đo có độ chính xác tới 1 mm	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
IV THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG				
38	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
39	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng) của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23; AASHTO T100-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bình tỷ trọng, cối chày sứ (đồng), rây 2mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1°C, tỷ trọng	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			kế, bếp cách cát.	
40	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-19; AASHTO T265-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), Bình hút ẩm, hộp ẩm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, cối chày sứ (đồng), rây 1mm, tủ sấy, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp)	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
41	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy và chỉ số dẻo của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14134-4:2024, TCVN 4197:2012; ASTM D4318-17e1; AASHTO T89-22, AASHTO T90-22	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
42	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014; AASHTO T88-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, bình hút ẩm, tỷ trọng kế, ống đong 1000ml, nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
43	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995; ASTM D3080/D3080M-23	Máy cắt một phẳng – Loại A: lực cắt tác dụng trực tiếp, dao vòng cắt, tấm nén truyền lực, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
44	Xác định tính nén lún, lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435M-20; AASHTO T216-22	Máy nén lún (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng đồng hồ so 10mm (0,01mm), dao gạt đất, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1 ⁰ C), Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g)	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
45	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm có nắp, tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1 ⁰ C), bình hút ẩm.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
46	Xác định chỉ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; AASHTO T193-22	Máy nén CBR 1.27mm/ph, đồng hồ đo biến dạng, chày đầm, cối D152.4mm, tấm đệm ga tải, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, cân, sàng 50;19;4.75mm, giấy lọc, chảo, bay trộn, dụng cụ làm bằng mặt mẫu.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
47	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 30kg/5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, hộp nhôm	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
48	Xác định đầm nén proctor (Độ ẩm đầm chặt tốt nhất; khối lượng thể tích khô lớn nhất trong phòng thí nghiệm; tỷ lệ hạt quá cỡ; tỷ trọng khối của hạt quá cỡ; khối lượng thể tích khô lớn nhất sau hiệu chỉnh; độ ẩm đầm nén tốt nhất sau hiệu chỉnh)	TCVN 12790:2020; AASHTO T99-22, AASHTO T180-22	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 30kg/5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, hộp nhôm	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
49	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	Cân kỹ phân tích có độ chính xác d=0.0001g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, cối đầm tiêu chuẩn, sàng 2.5mm, dụng cụ nghiền mẫu, đồng hồ bấm giây, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, dụng cụ nghiền mẫu, đồng hồ bấm giây...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
V	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN			
50	Thử kéo (thử kéo kim loại, mối nối)	TCVN 197-1:2014; ASTM A370 -24 ; JIS Z2241 - 22	Máy thử độ bền kéo nén model: WE-600B, Cân kỹ thuật có độ chính xác (1g), thước thép	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			1000mm.	Hồ Gia Khánh
51	Thử uốn	TCVN 198:2008; ASTM A370 -24 ; JIS Z2248 : 2022	Máy thử độ bền kéo nén model: WE- 600kN; bộ gôï uốn	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
52	Kiểm tra chất lượng mối hàn kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010; ASTM E190 -21	Máy thử độ bền kéo nén : WE-600B, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
53	Thử kéo mối hàn kim loại – thử kéo ngang, kéo dọc	TCVN 8310:2010, TCVN 8311:2010	Máy thử độ bền kéo nén : WE-600B, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
VI THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				
54	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927-22; AASHTO T245-22;	Máy nén Marshall gia tải 50.5mm/min gồm: khung gia tải, thiết bị đo lực và đồng hồ đo biến dạng. Khuôn đúc mẫu, búa đầm, bệ đầm, bể ổn nhiệt duy trì 60oC, cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
55	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164-22; ASTM D2172/D2172M-24	Máy quay ly tâm, Giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay đựng mẫu, cân kỹ thuật, ống đong, cốc nung, bình hút ẩm và các dụng cụ phụ trợ...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
56	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011 ; AASHTO T27-23; ASTM C136/C136M-19	Bộ sàng vuông (37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075) tủ sấy, cân kỹ thuật, máy lắc sàng	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
57	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041/D2041M -19; AASHTO T209-23	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, Áp kế, chân không kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay sấy mẫu, giẻ lau.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
58	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726/D2726M-21; AASHTO T166-24	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	đã đầm nén		nước, tủ sấy, nhiệt kế...	Hồ Gia Khánh
59	Xác định độ chảy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-6:2011; ASTM D6390-23; AASHTO T305-22	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), bay chảo trộn mẫu	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
60	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011 AASHTO T304-22	Ổng đồng, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt bằng thép, cân kỹ thuật độ chính xác 0,1g...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
61	Xác định hệ số độ chặt lu lèn của bê tông nhựa	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan bê tông nhựa, cân, giẻ lau, nước đá, nước sôi máy đầm mẫu...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
62	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011; AASHTO T269-14(2022); ASTM D3203-22	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay sấy mẫu, dây treo, giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
63	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	TCVN 8860-10:2011 ;AASHTO T209-23, AASHTO T269 -24	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế, giẻ lau...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
64	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-11:2011; AASHTO T209-23	Cân kỹ thuật, tủ sấy, dây treo, giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
65	Xác định độ ổn định còn lại	TCVN 8860-12:2011; AASHTO T245 -22	Máy nén Marsall, đồng hồ đo độ biến dạng, bể ô nhiệt, nhiệt kế...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
VII THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA				
66	Xác định thành phần hạt của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020 AASHTO T37 – 07(2020)	Bộ sàng tiêu chuẩn (0.6; 0.3; 0.15; 0.075mm), cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), bát sứ, chày bịt cao su, cọ quét, bình hút ẩm	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
67	Xác định độ ẩm của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020	cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), chén sứ chịu nhiệt, tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			°C), khay sấy bằng nhôm, bình hút ẩm	Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
68	Xác định chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012	Dụng cụ Casagrande , tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), tủ sấy đến 300 ⁰ c, dao để trộn	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
69	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	TCVN 8735:2012 AASHTO T100-22	Bình khối lượng riêng 100ml, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), máy hút chân không, bình để rửa, tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1 °C) , nhiệt kế điện tử 300 ⁰ c, sàng (1,25 và 0,14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hỏa, khăn giấy lâu, bếp cách cát.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
70	Xác định hệ số thích nước của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1 °C), chén sứ, chày có bọc cao su, ống đo 50ml, que thủy tinh, nước cất, dầu hỏa.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
IX	THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG BITUM			
71	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 7494:2005; ASTM 140-2023	Dụng cụ lấy mẫu: can nhựa	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
72	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005; ASTM D5/D5M-20	Máy đo độ kim lún, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyên tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
73	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005; ASTM D113-23; AASHTO T51-22	Máy kéo dài, khuôn bằng đồng, nhiệt kế , bể ổn nhiệt, đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
74	Xác định điểm hóa mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36/D36M-20; AASHTO T53-22	Khuôn tròn, bi tròn, vòng, tấm lót, vòng dẫn hướng, bình thủy tinh, khung treo, nhiệt kế, nước cất, Glyxerin, Etylen glycol	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			chất bôi trơn...	
75	Xác định điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005; ASTM D92-18; AASHTO T48-22 ASTM D3143/D3143M-19	Thiết bị cốc hở Cleveland (thủ công), dụng cụ đo nhiệt độ, ngọn lửa thử...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
76	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 ⁰ c trong 5h	TCVN 7499:2005; ASTM D6/D6M-18	Cân kỹ thuật, bát sắt, lò nung, bình hút ẩm, tủ sấy, kết cấu, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
77	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2023; AASHTO T44-23; ASTM D2042-22	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, ống cao su hoặc bộ gá, bình Erlenmeyer, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
78	Xác định khối lượng riêng ở 25 ⁰ C	TCVN 7501:2005; ASTM D70/D70M-21	Bình tỷ trọng kế, cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, chậu, nước cất, nước đá...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
79	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625/D3625M-20	Dây buộc, bình thủy tinh, nước cất, bếp đun, nhiệt kế, viên đá 20x40mm...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
80	Chỉ số độ kim lún PI (TT 27/2014/BGTVT)	TCVN 7495:2005	Máy đo độ kim lún, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyên tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế...	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
X	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY, VỮA RÓT KHÔNG CO NGÓT, VỮA CHÈN CẤP DỰ ỨNG LỰC			
81	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất của vữa xây dựng	TCVN 3121-1:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng 10mm; 5mm; 2,5mm; 1,25mm; 0,63mm; 0,315mm, 0,14mm và sàng 0,08mm	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
82	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437-2020	Bàn dẫn thử độ lưu động hỗn hợp vữa, chày đầm bằng thép, chảo sắt, xẻng con, bay, khuôn hình côn đường kính đáy lớn 100mm, đáy nhỏ 75mm,	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			cao 60mm, dày 2mm.	
83	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022 TCVN 3121-11:2022; ASTM C109/C109M-23	Máy kéo nén TYE 2000 kN, cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g, gá thử nén, gô thử độ bền uốn .	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
84	Xác định độ hút nước của vữa đóng rắn	TCVN 3121-18:2022 ASTM C413-18(2023), ASTM C1403-22a	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
XI	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
85	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao đai (xác định độ chặt của đất tại hiện trường)	TCVN 12791:2020, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012, ASTM D2937 -24	Dao đai tròn bằng thép, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga hoặc dùng cồn	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
86	Xác khối lượng thể tích, độ ẩm của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 , TCVN 8730:2012; AASHTO T191-14 (2022)	Phễu rót cát, cân kỹ thuật, 30kg/1g, bếp ga hoặc dùng cồn	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
87	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m, nôm đo khe hở, cọ quét	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
88	Xác định mô đun đàn hồi “E” chung của kết cấu áo đường bằng cân đo võng Benkelman	TCVN 8867:2025	Tấm ép, kích thủy lực 0÷30 tấn, đồng hồ so 30mm	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
89	Xác định modul đàn hồi “E” nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép, kích thủy lực 0÷30 tấn, đồng hồ so 30mm	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
90	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965-15(2024)	Bộ dụng cụ đo nhám mặt đường, cọ quét, cát chuẩn	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
91	Bê tông nặng – phương pháp xác định cường độ nén bằng	TCVN 9334:2012; ASTM C805/C805M18	Thiết bị súng bật nảy bê tông	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	súng bột nẩy			Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
92	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCVN 12252:2020, TCXDVN 239:2006, TCVN 10303:2014; ASTM C42/C42M-20	Máy nén hiệu TYE-2000kN, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, máy khoan.	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh
93	Kiểm tra hàm lượng nhựa tươi trên 1m ²	TCVN 8863:2011	Khay tole (25x40)cm, cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g	Trần Quang Trung Lưu Hồng Phong Hồ Văn Hồng Hồ Gia Khánh

Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Quảng Bình cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN TVXD GT QUẢNG BÌNH



Nguyễn Mạnh Thắng